

Bản án số: 122/2024/KDTM-ST

Ngày: 11-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phú Minh Thông

2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4960/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6571/2024/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Nh

Địa chỉ: Lô A khu công nghiệp B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Bà Phan Thị Ngọc H, ông Võ Minh N, cùng trú tại: Số A1 đường B1, phường C1, thành phố D1, tỉnh Khánh Hòa, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 10 năm 2022). Bà H, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Nh (gọi tắt là Công ty Nh)- Có bà Phan Thị Ngọc H và ông Võ Minh N- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty Nh và Công ty Cổ Phần X (Công ty X) là đối tác mua bán ống nhựa nhãn hiệu Nh. Ngày 05/5/2017, hai bên đã ký kết Hợp đồng mua bán ống nhựa và Phụ kiện nhựa số HDKT-2017-2006/TP-VN (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Giá trị Hợp đồng là 123.874.067 đồng.

Sau đó, Công ty Nh đã tiến hành giao hàng đầy đủ và đúng chất lượng cho Công ty X. Theo Hợp đồng, Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Nh 30% giá trị hàng hóa trước khi nhận hàng và thanh toán 70% giá trị hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng.

Trong quá trình mua bán, do phát sinh nhu cầu nên tổng giá trị hàng hóa mà Công ty Nh giao cho Công ty X là 414.915.117 đồng. Phần phát sinh ngoài giá trị Hợp đồng, các bên thống nhất không ký Phụ lục Hợp đồng hay Hợp đồng mới mà tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng cũ.

Sau khi giao đầy đủ hàng hóa bao gồm cả khối lượng hàng hóa phát sinh, Công ty Nh đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và yêu cầu Công ty X thanh toán. Tuy nhiên, đến nay, Công ty X mới chỉ thanh toán cho Công ty Nh số tiền là 233.950.445 đồng. Số tiền Công ty X còn nợ chưa thanh toán là 180.964.672 đồng.

Tháng 6/2019, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ đến ngày 30/6/2019. Theo Thư xác nhận công nợ này, Công ty X đã xác nhận còn nợ Công ty Nh số tiền 180.964.672 đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu Công ty X thực hiện thanh toán công nợ nêu trên nhưng Công ty X không thực hiện thanh toán. Tháng 9/2022, Công ty Nh tiếp tục gửi văn bản yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền 180.964.672 đồng chậm nhất ngày 06/10/2022. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên Công ty Nh không nhận được bất cứ khoản thanh toán nào của Công ty X.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Nh khởi kiện Công ty X ra Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án buộc Công ty X thanh toán cho Công ty Nh các khoản tiền sau:

- Buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty Nh số tiền nợ gốc: 180.964.672 đồng (Một trăm tám mươi triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

- Buộc Công ty X phải trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 11/6/2024, với mức lãi suất 10%/năm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền lãi được tính là: 180.964.672 đồng x 10%/năm x 1.808 ngày = 89.639.487 đồng.

Tổng số tiền Công ty Nh yêu cầu Công ty X phải trả là: 180.964.672 đồng + 89.639.487 đồng = 270.604.159 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

** Đối với Bị đơn- Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty X không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Công ty X không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án,

Ngày 05/5/2017, Công ty Nh và Công ty X ký Hợp đồng v/v mua bán Ống và Phụ kiện nhựa số: HDKT-2017-2006/TP-VN (gọi tắt là Hợp đồng). Do Công ty X không thanh toán đúng như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Căn

cứ vào yêu cầu của Nguyên đơn và các quy định của pháp luật, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty X có trụ sở tại Quận V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Công ty X được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty X.

Công ty Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Nh.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc: Buộc Công ty X phải thanh toán ngay cho Công ty Nh số tiền nợ gốc là 180.964.672 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký Hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005. Các bên đã thực hiện hợp đồng và ngày 30/6/2019 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ theo Thư xác nhận công nợ tháng 6/2019, cụ thể: Công ty X còn nợ Công ty Nh tiền mua hàng là 180.964.672 đồng. Đến nay Công ty X không thực hiện nghĩa vụ nên cần buộc Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ còn lại của mình.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty X, nhưng Công ty X không đến Tòa để giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; do đó, yêu cầu của Nguyên đơn đòi Công ty X trả ngay số tiền gốc 180.964.672 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Công ty Nh về việc yêu cầu Công ty X thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 11/6/2024 là 89.639.487 đồng.

Xét thấy:

Ngày 30/6/2019 hai bên xác nhận công nợ nhưng Công ty X không trả nợ cho Công ty Nh là vi phạm thỏa thuận. Do đó Công ty Nh yêu cầu Công ty X phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 11/6/2024 với số tiền: 180.964.672 đồng x 10%/năm x 1.808 ngày = 89.639.487 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Nh.

Buộc Công ty Cổ phần X phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Nh số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng v/v mua bán Ống và Phụ kiện nhựa số: HDKT-2017-2006/TP-VN ngày 05/5/2017 là: 270.604.159 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm mươi chín đồng) trong đó nợ gốc: 180.964.672 đồng, nợ lãi: 89.639.487 đồng.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần X không trả khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần X còn phải trả cho Công ty Cổ phần Nh tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.530.208 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn hai trăm lẻ tám đồng).

Công ty Cổ phần Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Nh số tiền 6.002.822 đồng (Sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044755 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh